TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 298/2024/HC-PT
Ngày: 29-7-2024
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Long
Ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 105/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2023/HC-ST ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1421/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Xóm A, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 17/11/2022, các đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T *trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 30, xã T, diện tích 3.205m^2 là của ông bà tạo lập, lưu hạ lại cho ông Nguyễn Tấn K (cha bà Nguyễn Thị T) quản lý, sử dụng từ năm 1987 đến năm 1991. Năm 1991, bà T nhập khẩu về thôn T, xã T và sử dụng thửa đất này để trồng hoa màu (cây mì). Quá trình sử dụng đất của bà đối với thửa đất này ổn định, lâu dài, không có tranh chấp với ai. Ông Nguyễn Minh T1 (sinh năm 1954, trú tại thôn T, xã T) và ông Nguyễn T2 (sinh năm 1927, trú tại thôn T, xã T) có văn bản xác nhận đất này là của ông nội bà khai hoang và bà đã sử dụng ổn định, lâu dài từ năm 1991 đến nay.

Thực hiện Chỉ thị số 09/CT ngày 19/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q, UBND xã T đã thống kê và xác định thửa đất số 46 thuộc quỹ đất công ích do UBND xã quản lý, sử dụng. Không đồng ý với hành vi hành chính của UBND xã T về việc xác định thửa đất số 46 là đất công ích do UBND xã quản lý, ngày 30/3/2021 bà khiếu nại đến UBND xã T. Ngày 19/5/2021, UBND xã T ban hành Công văn số 87/UBND về việc trả lời nội dung đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị T xác định việc đưa thửa đất số 46 thuộc đất công ích là đúng quy định của pháp luật.

Không đồng ý với Công văn trả lời số 87/UBND ngày 19/5/2021 của UBND xã T, ngày 23/7/2021 bà khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã T. Ngày 13/10/2021, Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định số 1114/QĐ-UBND bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của bà T.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND xã T, ngày 15/11/2021 bà khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND huyện S yêu cầu hủy Công văn số 87/UBND ngày 19/5/2021 của UBND xã T, hủy Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của Chủ tịch UBND xã T; loại bỏ thửa đất số 46, diện tích 3.205m^2, tờ bản đồ số 30 xã T ra khỏi danh sách các thửa đất công ích do UBND xã quản lý để bà lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Ngày 29/3/2022, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 546/QĐ-UBND không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T.

Việc UBND xã T ra Công văn số 87/UBND ngày 19/5/2021; Chủ tịch UBND xã T có Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 và Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 87/UBND ngày 19/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã T về việc trả lời nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, ở xóm A, thôn T, xã T.

- Hủy Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T (Địa chỉ: xóm A, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi).

- Hủy Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị T (Địa chỉ: xóm A, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi).

- Buộc Ủy ban nhân dân xã T xóa bỏ việc đăng ký thửa đất số 46, diện tích 3.205m^2, tờ bản đồ số 30 xã T ra khỏi danh sách các thửa đất công ích do Ủy ban nhân dân xã T quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số 356/UBND ngày 10/8/2023 của UBND xã T *và tại phiên tòa sơ thẩm ông* Nguyễn Thành V *– Chủ tịch trình bày:*

Cơ sở để UBND xã đăng ký thửa đất số 46 vào danh sách các thửa đất công ích do Ủy ban nhân dân xã quản lý: Thực hiện Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp và đề án giao đất cho hộ gia đình, cá nhân của xã theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, thì thửa đất số 46, tờ bản đồ số 30 (bản đồ 1998) không được cân đối giao cho hộ gia đình, cá nhân nào và được đưa vào quỹ đất công ích của xã thể hiện trong hồ sơ địa chính (sổ địa chính quyển số 10, trang số 67 và sổ mục kê đất Nghị định 64/CP, quyển số 5, trang số 88) do UBND xã lập ngày 14/01/2000.

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng, đăng ký kê khai, biến động của thửa đất số 46 qua các thời kỳ:

Theo hồ sơ thực hiện Chỉ thị 299/TTg: Thuộc thửa đất số 192, diện tích 3.365m^2, tờ bản đồ 16, loại đất: Hgđn, đất chưa phân phối sử dụng thể hiện trong Sổ mục kê ruộng đất 299/TTg (sổ 5a), quyển số 01, trang số 8 và được UBND huyện S duyệt ngày 30/4/1987.

Theo hồ sơ 64/CP: Thửa đất số 192, bản đồ 16 (299/TTg) được đo đạc thành thửa số 46, diện tích 3.205m^2, tờ bản đồ số 30, loại đất: M (đất màu), thuộc đất công ích do UBND xã T quản lý, kê khai, đăng ký trong Sổ mục kê đất Nghị định 64/CP, quyển số 05, trang số 88, do UBND xã lập ngày 14/01/2000 và được thể hiện trong sổ địa chính đất công ích và đất UBND xã quản lý, tại trang số 67, quyển số 10, do UBND xã lập ngày 14/01/2000.

Theo bản đồ đo đạc năm 2018: Được đo đạc thành thửa số 130, diện tích 3.163,4m^2, loại đất CLN, tờ bản đồ số 30, xã T, huyện S.

Công văn số 87/UBND ngày 19/5/2021 của UBND xã T về việc trả lời nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị T và Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của Chủ tịch UBND xã T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Việc bà T buộc UBND xã T xóa bỏ đăng ký thửa đất số 46, diện tích 3.205m^2, tờ bản đồ số 30 xã T ra khỏi danh sách các thửa đất công ích do UBND xã T quản lý là không có căn cứ. Chủ tịch UBND xã T và UBND xã T không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Tại Văn bản số 1867/UBND-NC ngày 09/10/2023 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S *trình bày:*

Theo hồ sơ, bản đồ giải thửa thực hiện Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ do UBND xã T lập năm 1987 được UBND huyện phê duyệt ngày 30/4/1987 thì diện tích đất bà Nguyễn Thị T khiếu nại thuộc thửa đất số 192, diện tích 3.365m^2, loại đất Hgb (đất hoang bằng, đất chưa phân phối sử dụng), tờ bản đồ số 16, xã T, do Hợp tác xã T4, xã T đứng tên chủ sử dụng đất, thể hiện tại trang số 08, quyển số 01, Sổ mục kê ruộng đất.

Theo hồ sơ, bản đồ địa chính của xã T lập năm 2000, thửa đất số 192, diện tích 3.365m^2, loại đất Hgb, tờ bản đồ số 16, xã T (theo bản đồ 299/TTg) biến động thành thửa đất số 46, diện tích 3.205m^2, loại đất M, tờ bản số 30, xã T, do UBND xã T đứng tên chủ sử dụng đất, thể hiện tại trang số 88, quyển số 05, Sổ mục kê đất (tại mục ghi chú ghi là đất công ích) và trang số 67, quyển số 10, Sổ địa chính, do UBND xã T lập ngày 14/01/2000.

Năm 1994, UBND xã T thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về cân đối giao ruộng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài, tại thời điểm này hộ bà T có 03 nhân khẩu, tổng diện tích đất nông nghiệp được cân đối giao là 5.139m^2 (gồm 06 thửa) là đủ định suất theo đề án.

Trong quá trình sử dụng thửa đất số 46, diện tích 3.205m^2, loại đất M, tờ bản đồ số 30, xã T, bà Nguyễn Thị T không thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2013/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Mặt khác, theo kết quả làm việc bà Nguyễn Thị T đã xác định khi thực hiện Nghị định 64/CP bà không đi đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 46 là do sản xuất không hiệu quả và bà đã nhận đủ đất ở nơi khác để sản xuất lúa mưu sinh. Do đó, UBND xã T thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai bằng việc đưa thửa đất số 46, diện tích 3.205m^2, loại đất M, tờ bản đồ số 30, xã T vào quỹ đất công ích do UBND xã quản lý, sử dụng là đúng quy định.

Theo điểm c Mục 2 Chỉ thị số 09/CT ngày 19/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc tăng cường công tác quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, về trách nhiệm đối với Ủy ban nhân dân cấp xã *"Chỉ đạo tổng hợp, thống kê toàn bộ quỹ đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng trên địa bàn cấp xã; kiểm tra, rà soát thanh lý, xử lý những hợp đồng thuê đất đã hết thời hạn, những hợp đồng thuê đất chưa đúng thẩm quyền, diện tích đất do UBND xã quản lý nhưng để cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng không đúng quy định; giải quyết dứt điểm tình trạng lấn, chiếm, chuyển nhượng, tự chuyển mục đích sử dụng đất trái phép.... Triển khai thực hiện ký Hợp đồng cho thuê quỹ đất công ích theo đúng quy định*"; căn cứ hồ sơ địa chính lưu trữ hiện có và khoản 1 Điều 95 Luật Đất đai năm 2013 "*Đăng ký đất đai là bắt buộc đối với người sử dụng đất và người được giao đất để quản lý...";* khoản 2 Điều 7 Luật Đất đai năm 2013 quy định người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất: *"Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với việc sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích ..."*, nên UBND xã T tiếp tục thực hiện thống kê, đăng ký đất công ích đối với thửa đất số 46, diện tích 3.205m^2, loại đất M, tờ bản đồ số 30, xã T là đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là không có căn cứ pháp luật.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2023/HC-ST ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 7, Điều 11, khoản 3 Điều 23, Điều 132, khoản 1 Điều 95, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17, Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 4 Điều 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 87/UBND ngày 19/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã T về việc trả lời nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, ở xóm A, thôn T, xã T.

- Hủy Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T (địa chỉ: xóm A, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi).

- Hủy Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị T (địa chỉ: xóm A, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi).

- Buộc Ủy ban nhân dân xã T xóa bỏ việc đăng ký thửa đất số 46, diện tích 3.205m^2, tờ bản đồ số 30 xã T ra khỏi danh sách các thửa đất công ích do Ủy ban nhân dân xã T quản lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 22/12/2023 và ngày 04/01/2024, bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, lý do kháng cáo bà T cho rằng thửa đất đã được bà T sử dụng từ trước năm 1993 đến nay nhưng UBND xã đăng ký kê khai và đưa vào quỹ đất công ích là không đúng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà T giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xem xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T*, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và thời hiệu giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xem xét nguồn gốc, hồ sơ địa chính thửa đất bà T có khiếu kiện, xét thấy: Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 30 xã T, diện tích 3.205m^2, theo Sổ mục kê ruộng đất lập theo Chỉ thị 299/TTg của xã T (sổ 5a), quyển số 01, trang số 8 được UBND huyện S duyệt ngày 30/4/1987 là thửa đất số 192, tờ bản đồ số 16, loại đất Hgđn, đất chưa giao cho ai sử dụng. Tại Sổ mục kê đất của xã T lập theo Nghị định 64/CP của Chính phủ lập ngày 14/01/2000 thì thửa đất nêu trên được chỉnh lý thành thửa đất số 46, tờ bản đồ số 30 và trong Sổ địa chính, tại trang số 67, quyển số 10, xã T do UBND xã T lập ngày 14/01/2000 thể hiện thửa đất loại đất M (màu), Theo bản đồ đo đạc năm 2018 thì thửa đất số 46, tờ bản đồ số 30 biến động thành thửa số 130, diện tích 3.163,4m^2, loại đất CLN, tờ bản đồ số 30, xã T, huyện S là đất công ích do UBND xã T quản lý.

[2.2] Tại các Sổ đăng ký đất đai, Sổ mục kê đất nêu trên không thể hiện việc bà Nguyễn Thị T có đăng ký, kê khai quyền sử dụng đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 30, xã T, quá trình khởi kiện bà Nguyễn Thị T cũng không xuất trình được một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Khi Nhà nước cân đối giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ cho hộ bà Nguyễn Thị T thì hộ bà T được cân đối giao 06 thửa đất với tổng diện tích là 5.139m^2 là đảm bảo theo quy định. Do vậy, không có căn cứ xác định quyền sử dụng thửa đất số 46, diện tích 3.205m^2, loại đất M, tờ bản đồ số 30, xã T là của bà T.

[2.3] Xem xét các quyết định hành chính bị khởi kiện xét thấy: Thực hiện Chỉ thị số 09/CT ngày 19/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc tăng cường công tác quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, nên UBND xã T tiếp tục thực hiện thống kê, đăng ký đất công ích đối với thửa đất số 46, diện tích 3.205m^2, loại đất M, tờ bản đồ số 30, xã T, sau khi niêm yết công khai đối với thửa đất, bà T có đơn yêu cầu xem xét nên UBND xã T ban hành Công văn số 87/UBND ngày 19/5/2021 về việc trả lời nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị T. Không đồng ý nên bà T có khiếu nại, Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 về việc giải quyết khiếu

nại lần đầu, bà T tiếp tục khiếu nại, vì vậy, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần hai, nội dung các quyết định hành chính nêu trên đều không chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị T. Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy: Các quyết định hành chính nêu trên của Chủ tịch UBND xã T và của Chủ tịch UBND huyện S đều ban hành đúng thẩm quyền trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật như tại Bản án sơ thẩm đã nhận định, về nội dung như đã phân tích nêu trên, về nguồn gốc thửa đất bà T không xuất trình được giấy tờ, tài liệu gì để chứng minh về nguồn gốc đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, trong quá trình thực hiện Luật Đất đai qua các thời kỳ, bà T hoặc các thành viên trong gia đình bà T không thực hiện việc đăng ký, kê khai đối với thửa đất theo quy định của pháp luật, bà T cho rằng do chính quyền không phổ biến, triển khai, tổ chức việc đăng ký, kê khai cho người dân là lý do không đúng, bởi đây là nghĩa vụ, trách nhiệm của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, không phải là lỗi của các cơ quan quản lý Nhà nước. Việc cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP đối với hộ gia đình bà T là đảm bảo về diện tích, tiêu chuẩn. Quá trình sử dụng ngoài việc không đăng ký kê khai theo quy định, bà T cũng không có tài liệu, chứng cứ gì thực hiện các loại nghĩa vụ về tài chính của người sử dụng đất. Theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, thể hiện thửa đất đều do Nhà nước quản lý, được xác định đầy đủ trong các loại sổ sách, nay được xác định là quỹ đất công ích của UBND xã T, do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xác lập quyền sử dụng thửa đất cho bà Nguyễn Thị T là đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, xét thấy, tại Bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thi T3 là có căn cứ, đúng pháp luật, tại giai đoạn phúc thẩm bà T3 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình là đúng, do vậy, Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Quyết định về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2023/HC-ST ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

1/. Áp dụng khoản 2 Điều 7, Điều 11, khoản 3 Điều 23, Điều 132, khoản 1 Điều 95, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17, Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 4 Điều 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016

của Thanh tra Chính phủ; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại;

2/. Xử:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu:

+ Hủy Công văn số 87/UBND ngày 19/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi về việc trả lời nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, ở xóm A, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Hủy Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T (địa chỉ: xóm A, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi).

+ Hủy Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị T (địa chỉ: xóm A, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi).

+ Buộc Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xóa bỏ việc đăng ký thửa đất số 46, diện tích 3.205m^2, tờ bản đồ số 30 xã T ra khỏi danh sách các thửa đất công ích do Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi quản lý theo quy định của pháp luật.

3/. Quyết định về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Về án phí hành chính phúc thẩm: Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Thi